**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2023 – 2024)**

**MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11 – KẾT NỐI TRI THỨC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **CHỦ ĐỀ** | MỨC ĐỘ NHẬN THỨC | Tổng số câu | Điểm số |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | VD cao |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| **1** | **Bài 1. Vai trò và triển vọng của chăn nuôi** | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | 4 |  | **1** |
| **2** | **Bài 2. Vật nuôi và phương thức chăn nuôi** | 3 |  | 2 |  |  | 1 |  |  | 5 | 1 | **2,25** |
| **3** | **Bài 3. Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi** | 3 |  | 2 |  |  |  |  | 1 | 5 | 1 | **1,75** |
| **4** | **Bài 4. Chọn giống vật nuôi** | 3 |  | 2 |  |  | 1 |  |  | 5 | 1 | **2,25** |
| **5** | **Bài 5. Nhân giống vật nuôi** | 3 |  | 2 |  |  |  |  |  | 5 |  | **1,25** |
| **6** | **Bài 6. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi** | 2 |  | 2 |  |  |  |  | 1 | 4 | 1 | **1,5** |
| **7** | **Tổng số câu**  | **16** | **0** | **12** | **0** | **0** | **2** | **0** | **2** | **28** | **4** | **10** |
| **8** | **Số điểm** | **4** | **3** | **2** | **1** | **7** | **3** |
| **9** | **% số điểm** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2023 – 2024)**

**MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11 – KẾT NỐI TRI THỨC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | MỨC ĐỘ NHẬN THỨC |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **VD thấp** | **VD cao** |
| **Bài 1. Vai trò và triển vọng của chăn nuôi** | **Nhận biết** | - Nêu vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người.- Nêu được sản phẩm cung cấp cho đời sống từ việc nuôi gà. | **2** | **2** |  |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu thành tựu của việc ứng dụng công nghệ gene trong chăn nuôi.- Nêu yêu cầu cơ bản của người làm động làm việc trong ngành nghề chăn nuôi. |
| **Bài 2. Vật nuôi và phương thức chăn nuôi** | **Nhận biết** | - Nêu các cách phân loại vật nuôi.- Xác định vật nuôi được nuôi trên lãnh thổ Việt Nam.- Xác định vật nuôi được phân loại theo mục đích sử dụng. | **3** | **2** | **1** |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu lợi ích của chăn nuôi bền vững.- Nêu đặc điểm, ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở Việt Nam. |
| **Bài 3. Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi** | **Nhận biết** | - Nêu phương thức chăn nuôi ở địa phương em và ưu nhược điểm của phương thức đó ở địa phương em. | **3** | **2** |  | **1** |
| **Thông hiểu** | - Nêu khái niệm giống vật nuôi.- Nêu số điều kiện để được công nhận là giống vật nuôi.- Xác định số lượng gia cầm để được công nhận là giống vật nuôi. |
| **Bài 4. Chọn giống vật nuôi** | **Nhận biết** | - Nêu tỉ lệ sữa của giống bò Red Sindhi. | **3** | **2** | **1** |  |
| **Thông hiểu** | - Xác định số bước để chọn lọc cá thể giống.- Xác định các chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi.- Xác định ưu điểm của phương pháp chọn lọc cá thể. |
| **Bài 5. Nhân giống vật nuôi** | **Nhận biết** | - Nêu được các phương pháp nhân giống vật nuôi | **3** | **2** |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lựa chọn được phương pháp nhân giống phù hợp với mục đích sử dụng |
|  **Bài 6. Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi** | **Nhận biết** | - Phân tích được ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống vật nuôi- Phân tích được một số ứng dụng của CNSH trong chọn giống vật nuôi | **2** | **2** |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân tích được ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống vật nuôi- Phân tích được một số ứng dụng của CNSH trong chọn giống vật nuôi |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT TÔ HIỆU****NHÓM: CÔNG NGHỆ NN****MÃ ĐỀ: 00** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2023 – 2024****MÔN**: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11*Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian giao đề* |

Họ và tên:…………………………………………………………..SBD:………………

**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (…điểm)**

**Câu 1:** Phát triển chăn nuôi góp phần tạo ra nền nông nghiệp bền vững vì

A. Chăn nuôi phát triển sẽ thúc đẩy nhanh trồng trọt phát triển và ngược lại.

B. Sản phẩm chăn nuôi sẽ thay thế cho các sản phẩm của trồng trọt.

C. Chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng trọt.

D. Chăn nuôi có nhiều vai trò hơn so với trồng trọt.

**Câu 2:** Ý nào dưới đây không phải là triển vọng ngành chăn nuôi của nước ta?

A. Sản xuất hàng hóa theo mô hình khép kín từ chuồng nuôi đến bàn ăn.

B. Áp dụng công nghệ tự động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chăn nuôi.

C. Tạo ra sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

D. Chăn nuôi bằng phương thức chăn thả nhằm mục đích thể hiện bản năng của vật nuôi.

**Câu 3:** Một trong những vai trò quan trọng của ngành chăn nuôi đối với đời sống con người là

A. Cung cấp nguyên liệu để sản xuất ra các mặt hàng tiêu dùng.

B. Cung cấp nguồn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao.

C. Cung cấp nguồn lương thực đảm bảo an ninh quốc gia.

D. Cung cấp nguồn đạm động vật bổ dưỡng, dễ tiêu hóa, không gây béo phì.

**Câu 4:** Nuôi Bò Hà Lan có thể cung cấp những sản phẩm nào sau đây?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Sữa
 | 1. Thịt
 | 1. Phân bón
 |
| 1. Trứng
 | 1. Săn mồi
 | 1. Sức kéo
 |

A. 1, 2, 3.

B. 2, 3, 5.

C. 2, 3, 4.

D. 1, 2, 5.

**Câu 5:** Ý nào dưới đây là phù hợp nhất để mô tả phương thức nuôi bán công nghiệp (bán chăn thả)?

A. Là dạng chăn nuôi kết hợp được áp dụng với đại gia súc, gia cầm.

B. Là phương thức chăn nuôi chỉ áp dụng cho tiểu gia súc như lợn, chó, mèo.

C. Là phương thức chăn nuôi chỉ áp dụng cho gia cầm như gà, vịt.

D. Là phương thức chăn nuôi kết hợp nhiều loại gia súc, gia cầm thành đàn nuôi.

**Câu 6:** Nhóm vật nuôi nào sau đây thuộc tiểu gia súc nhỏ?

A. Bò, trâu, ngựa, cừu.

B. Linh cẩu, Cầy mangut, chồn hương.

 C. Gà, bồ câu, ngan.

D. Dê, thỏ, chó lợn.

**Câu 7:** Hình thức nuôi dê trong chuồng kết hợp chăn thả của người dân trung du Bắc bộ là phương thức chăn nuôi nào?

A. Chăn thả tự do

B. Nuôi nhốt công nghiệp

C. Bán chăn thả

D. Chăn nuôi du mục

**Câu 8:** Nhóm vật nuôi nào sau đây được phân loại theo mục đích sử dụng?

A. Bò 3B siêu thịt, Gà hubbard, .

B. Linh cẩu, Cầy mangut.

 C. Gà Polymouth, vịt CV super meat.

D. Dê, lợn, cừu.

**Câu 9:** Ý nào dưới đây là không phù hợp để mô tả phương thức nuôi chăn thả tự do?

A. Con vật không thể đi lại tự do, không tự kiếm thức ăn mà ăn thức ăn công nghiệp.

B. Có mức đầu tư nhỏ, vật nuôi sử dụng nguồn thức ăn tự nhiên có sẵn trong môi trường.

C. Cho năng suất sản phẩm chăn nuôi tháp hơn và không ổn định.

D. Con vật không được nuôi trong chuồng với quy trình khép kín.

**Câu 10:** Đâu là đặc điểm của giống gà Đông Tảo từ sơn bắc ninh?

A. Giống gà có hình dáng nhỏ bé, lông vàng nhạt hoặc nâu, thỉnh thoảng có đốm đen ở khu vực cổ hoặc lưng.

B. Giống gà có cặp chân to và thô, tầm vóc lớn, khối lượng trứng to.

C. Có tầm vóc lo lớn, xương to, cơ bắp phát triển, chân cao và to khoẻ, có cựa ngắn hoặc không có, lớp biểu bì hoá sừng ở cẳng chân dày và cứng.

D. Bộ lông trắng không mượt nhưng toàn bộ da, mắt, thịt, chân và xương đều đen, chân có 5 ngón.

**Câu 11:** Giống Lợn Móng Cái có đặc điểm ngoại hình đặc trưng là:

A. Lông đen pha lẫn trắng hoặc hồng, lưng dài, rộng và hơi võng xuống.

B. Màu trắng, tai to rủ xuống trước mặt, tỉ lệ lạc cao

C. Thân dài, da màu trắng, tai dựng lên, có tỉ lệ lạc cao

D. Lông màu vàng nâu, tai to dựng, lưng công vồng lên

**Câu 12:** Giống Bò HF Hà Lan có năng suất sữa trung bình là:

A. 3500 – 4000 kg/chu kì ngày tiết sữa/con

B. 1400 – 2100 kg/chu kì ngày tiết sữa/con

C. 5500 – 6000 kg/chu kì ngày tiết sữa/con

D. 5000 – 5500 kg/chu kì ngày tiết sữa/con

**Câu 13:** Năng suất trứng của giống gà Polymouth là ;

A. 250 - 280 quả/mái/năm

B. 60 - 70 quả/mái/năm

C. 90 - 120 quả/mái/năm

D. 160 - 220 quả/mái/năm

**Câu 14:** Ý nào đúng nhất khi nói về giống vật nuôi là gì?

A. Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau.

B. Là quần thể các vật nuôi được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

C. Là quần thể vật nuôi cùng nơi ở, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

D. Là quần thể vật nuôi có ngoại hình tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

**Câu 15:** Chọn giống vật nuôi là gì?

A. Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt, phù hợp với mục đích của chăn nuôi

B. Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể có đặc tính khá biệt không đạt yêu cầu

C. Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính ngoại hình phù hợp với mong muốn của người chăn nuôi

D. Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống nhữngquần thể có số lượng đông

**Câu 16:** Các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá chọn lọc vật nuôi là:

A. Ngoại hình, thể chất, thức ăn và chất lượng nuôi dưỡng

B. Ngoại hình, thể chất, Khả năng sinh trưởng và phát dục, Sức sản xuất

C. Ngoại hình thể chất, phương thức nuôi dưỡng và kĩ thuật chăm sóc

D. Phương thức chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, kĩ thuật chăm sóc

**Câu 17:** Ưu điểm của chọn lọc hàng loạt là:

A. Nhanh, dễ làm, ít tốn kém.

B. Tốn kém, mất nhiều thời gian.

C. Khó thực hiện, đòi hỏi chuyên môn, kĩ thuật.

D. Sử dụng để chọn gia cầm đực sinh sản.

**Câu 18:** Đâu không phải là sự phát dục của vật nuôi

1. Là sự phân hoá hình thành các cơ quan bộ phận trên cơ thể
2. Là sự hoàn thiện chức năng các cơ quan bộ phận trên cơ thể
3. Là sự phát sinh hình thành cơ quan mới trên cơ thể
4. Là sự tăng lên về khối lượng kích thước các chiều cơ thể

**Câu 19:** Đâu là tiêu chí ngoại hình để chọn giống trâu bò cày kéo?

1. Sừng măng chắc, trán gồ, lông lang trắng đen
2. Lang trắng đen hình yên ngựa phủ từ lưng đến hết mông
3. Tai to vểnh, lưng vồng lên
4. Sừng cánh ná dạ bình vôi

**Câu 20:** Những vật nuôi trong cùng một giống có đặc điểm như thế nào gọi là giống thuần chủng?

1. Ngoại hình và gen di truyền đồng nhất các thế hệ
2. Có ngoại hình đàn con khác với đàn bố mẹ
3. Có ngoại hình đàn con giống 100% đàn bố.
4. Có tính biệt giống 100% đàn mẹ

**Câu 21:** Phương pháp lai cải tạo, các con đực giống cao sản được sử dụng trong phép lai gọi là giống nào?

1. Giống được cải tạo
2. Giống đi cải tạo
3. Giống đi cải tiến
4. Giống được cải tiến

**Câu 22:** Phương pháp lai nào, các con đực giống, cái giống được sử dụng trong phép lai không cùng giống, loài?

1. Lai cải tạo
2. Lai xa
3. Lai cải tiến
4. Lai kinh tế phức tạp

**Câu23:** Trong các ý sau, hãy chỉ ra mục đích của lai giống?

A. Tăng số lượng cá thể của giống

B. Bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng

C. Tạo ưu thế lai, làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con.

D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống

**Câu 24:** Con lai bất dục được tạo ra từ quá trình nhân giống nào?

1. Lai xa khác loài
2. Lai cải tiến
3. Lai cải tạo
4. Lai gây thành

**Câu 25:** Công nghệ cấy truyền phôi gồm bao nhiêu bước?

1. **8**
2. **9**
3. **10**
4. **11**

**Câu 26:** Lợi ích nào là của công nghệ thụ tinh ống nghiệm?

1. Rút ngắn khoảng cách các thế hệ giống
2. Xác định cá thể mang gen mong muốn
3. Xác định sớm giới tính
4. Dễ dàng vận chuyển trao đổi con giống giữa các nước

**Câu 27:** Ứng dụng thụ tinh trong ống nghiệm trải qua bao nhiêu bước?

1. 3
2. 4
3. 5
4. 6

**Câu 28:**  Ứng dụng công nghệ sinh học nào xác định được giới tínhcuar vật nuôi ngay trong giai đoạn phôi?

1. Công nghệ cấy truyền phôi
2. Công nghệ thụ tinh ống nghiệm
3. Công nghệ xác định giới tính phôi
4. Công nghệ chỉ thị phân tử

**PHẦN 2: TỰ LUẬN (…điểm)**

**Bài 1:** ( 1 điểm) Ở gia đình, địa phương em đang áp dụng những phương thức chăn nuôi nào? Cho ví dụ minh hoạ?

**Bài 2:** (1 điểm) Dựa vào chỉ tiêu chọn lọc giống vật nuôi em hãy nêu cách chọn nuôi lợn thịt cho gia đình mình và người thân xung quanh?

**Bài 3:** (0,5 điểm) Bác A muốn cải cách mô hình nuôi lợn thịt để tăng hiệu quả . Có người giới thiệu cho bác A mua giống lợn Móng Cái để nuôi. Theo em bác A có nên mua giống lợn trên để nuôi thịt không? Vì sao?

**Bài 4:** (0,5 điểm) Có nhiều phương pháp lai giống vật nuôi khác nhau em hãy phân biệt lai xa và lai gần?

**----------------Hết---------------**

ĐÁP ÁN CN11

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| 000 | A | D | B | A | A | D | C | C | A | C | A | C | C | A | A | B | A | D | D | A | B | B | C | A | D | A | B | A |

**PHẦN 2: TỰ LUẬN ( 3điểm)**

**113**

**Bài 1:** ( 1 điểm) Có những phương thức chăn nuôi nào đang được áp dụng ở gia đình, địa phương em? Phân biệt chăn thả tự do và chăn nuôi công nghiệp?

Có ba phương thức chăn nuôi chính; Chăn thả tự do, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi bán công nghiệp

* (0,5) Chăn thả tự do vật nuôi được tự do vận động thể hiện bản tính, vật nuôi ăn thức ăn chủ yếu tự nhiên nên năng xuất thấp, chất lượng sản phẩm không ổn định, mức độ kiểm soát bệnh tật kém
* (0,5) Chăn nuôi công nghiệp vật nuôi được nuôi nhốt hoàn toàn, thức ăn chủ yếu thức ăn hỗn hợp nên cho năng suất cao, chất lượng sản phẩm ổn định, khả năng kiểm soát bệnh dịch tốt.

**Bài 2:** (1 điểm) Dựa vào chỉ tiêu chọn lọc giống vật nuôi em hãy nêu cách chọn nuôi lợn thịt cho gia đình mình và người thân xung quanh?

* (0,5) Tiêu chí ngoại hình; Chọn các con vật nuôi mang đúng các đặc điểm đặc trưng của giống nuôi hướng thịt tai to bụng thon gọn mặt thanh nhẹ cơ bắp phát triển, không mắc các khuyết tật.
* (0,25) Tiêu chí thể chất; Chọn các vật nuôi hoạt động nhanh nhẹn, hay ăn, lông mượt không mắc các bệnh truyền nhiễm.
* (0,25) Tiêu chí khả năng sinh trưởng phát triển; Chọn các vật nuôi đầu đàn cơ thể săn chắc

**Bài 3:** (0,5 điểm) Bác A muốn cải cách mô hình nuôi lợn thịt để tăng hiệu quả . Có người giới thiệu cho bác B mua giống lợn Móng Cái để nuôi. Theo em bác A có nên mua giống lợn Móng Cái để nuôi thịt không? Vì sao?

* (0,25) Bác A không thể mua giống lợn Móng cái để nuôi lấy thịt.
* (0,25) Giống lợn Móng Cái là giống địa phương có tỷ lệ nạc trong thịt thấp, có khả năng sinh trưởng chậm

**Bài 4:** (0,5 điểm) Có nhiều phương pháp lai giống vật nuôi khác nhau em hãy phân biệt lai xa và lai gần?

* (0,25) Lai gần; Lai cùng loài vật nuôi nhưng khác giống nhau, con lai tạo ra có ưu thế lai hữu thụ
* (0,25) Lai xa; lai khác loài vật nuôi, con lai có ưu thế lai nhưng bất thụ